CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

Tổng CTCP Đường Sông Miền Nam

Ngày 28/06/2024	32,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.3%	**22.5%**	**38.4%**

DT thuần
Q2/24
281
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 53.0| 23.2%
YoY: ▲ 59.0| 26.6%

LN thuần
Q2/24
72.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.8| 19.5%
YoY: ▲ 10.7| 17.3%

LN sau thuế
Q2/24
62.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.90| 16.6%
YoY: ▲ 9.10| 17.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
26.7%
YoY: +/-▼ 1.0%

ROE (TTM)
Q2/24
15.2%
YoY: +/-▲ 0.1%

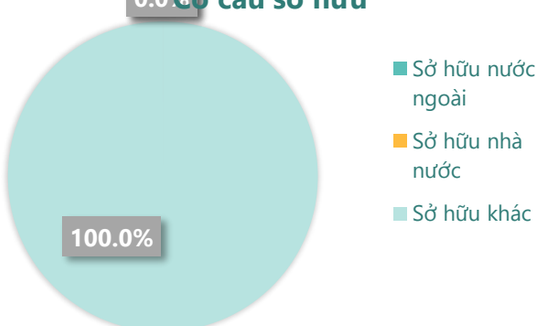
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	23,000 - 34,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,154
Số lượng CPLH (CP)	67,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	52,610
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.11
EPS	3,783
P/E	8.5

DT thuần
6T 2024
509
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 125| 32.5%

LN thuần
6T 2024
133
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.0| 26.4%

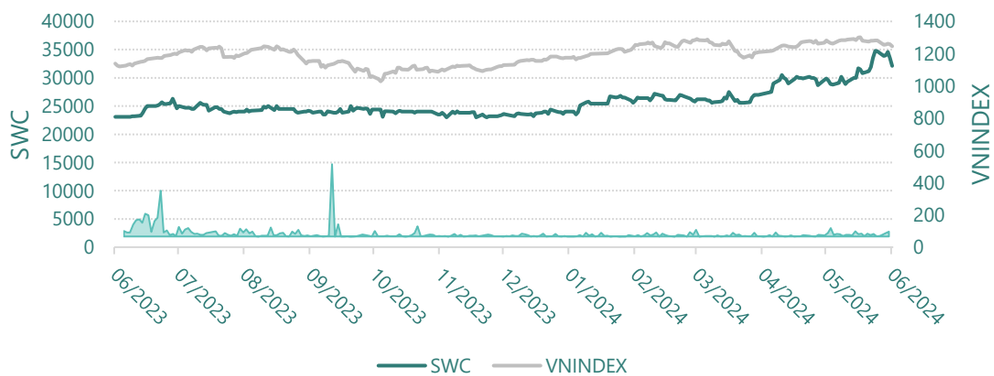
LN sau thuế
6T 2024
116
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.6| 28.2%

Cơ cấu sở hữu

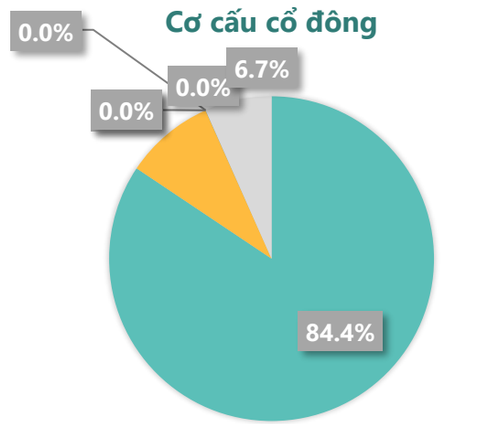


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

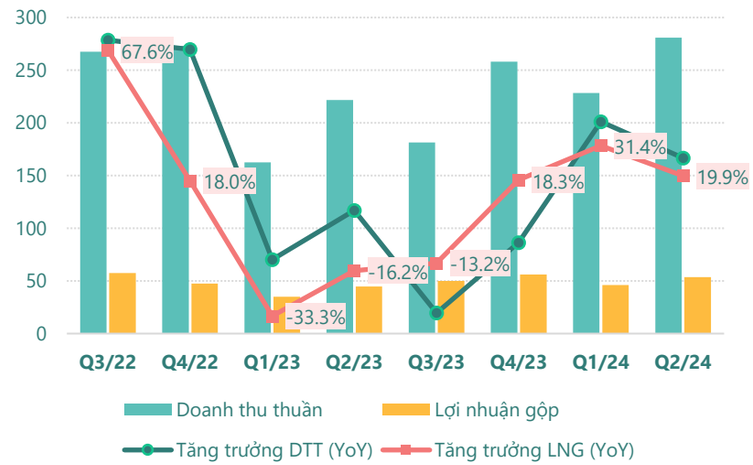


- Công ty TNHH MTV Đầu Tư hạ tầng Sotrans
- CTCP Kho vận Miền Nam
- Tô Hữu Hùng (Phó Tổng giám đốc)
- Trịnh Văn Quý (Kế toán trưởng)
- CTCP Quản lý Quỹ đầu tư MB
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

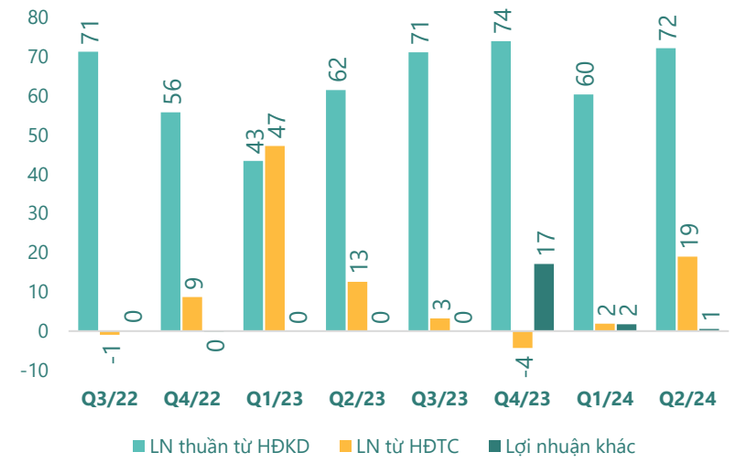
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



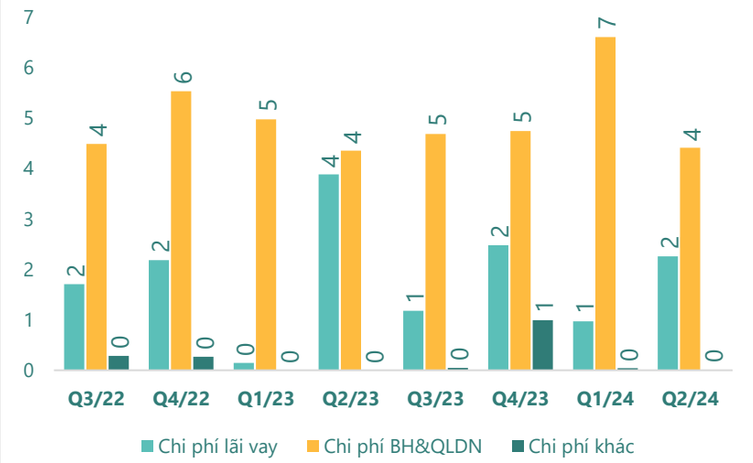
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



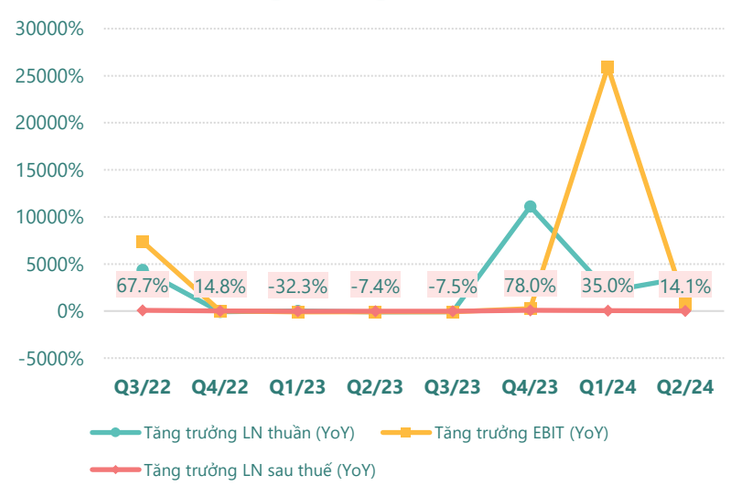
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



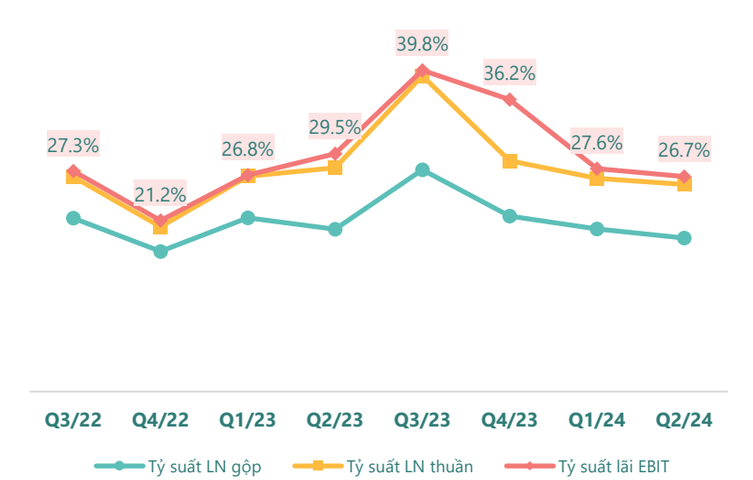
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



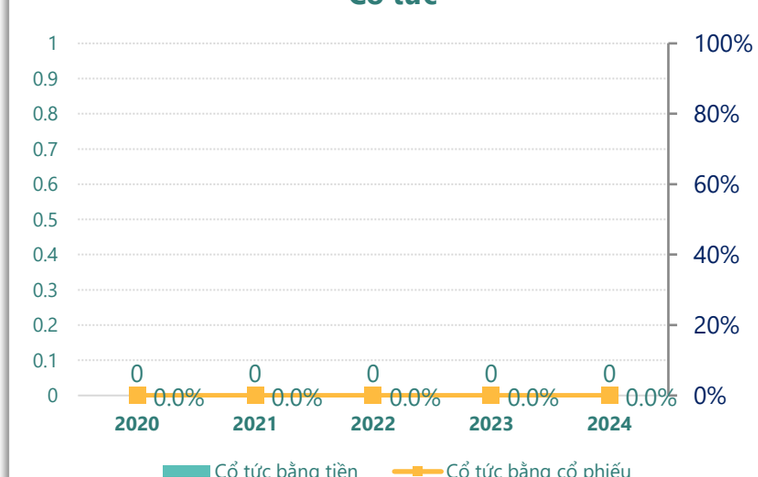
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



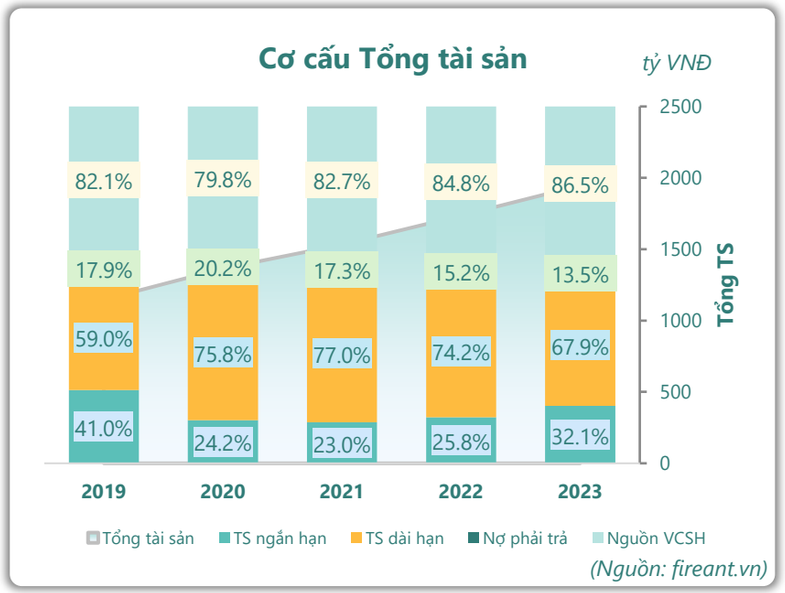
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

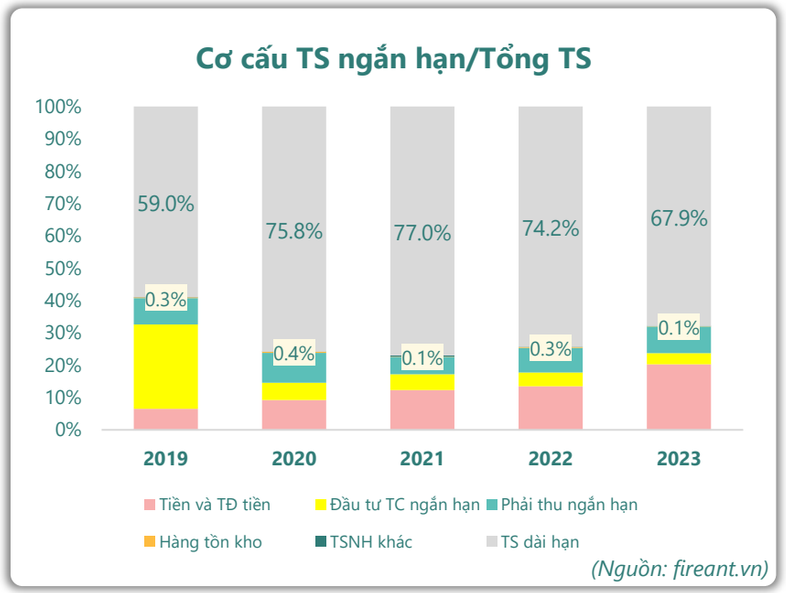


(Nguồn: fireant.vn)

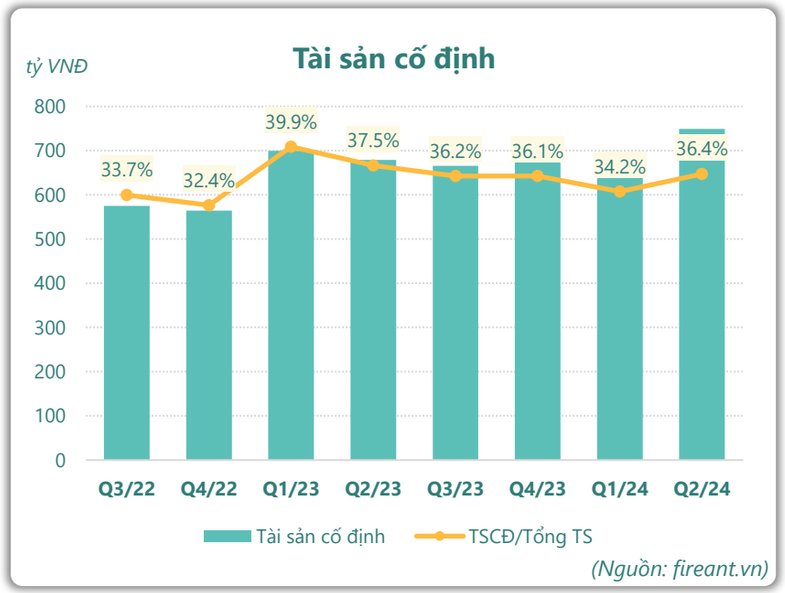
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



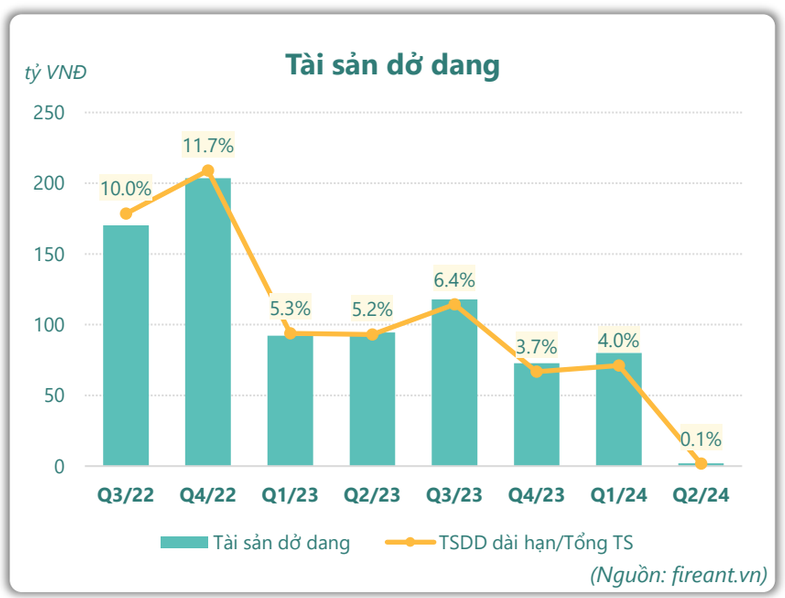
(Nguồn: fireant.vn)



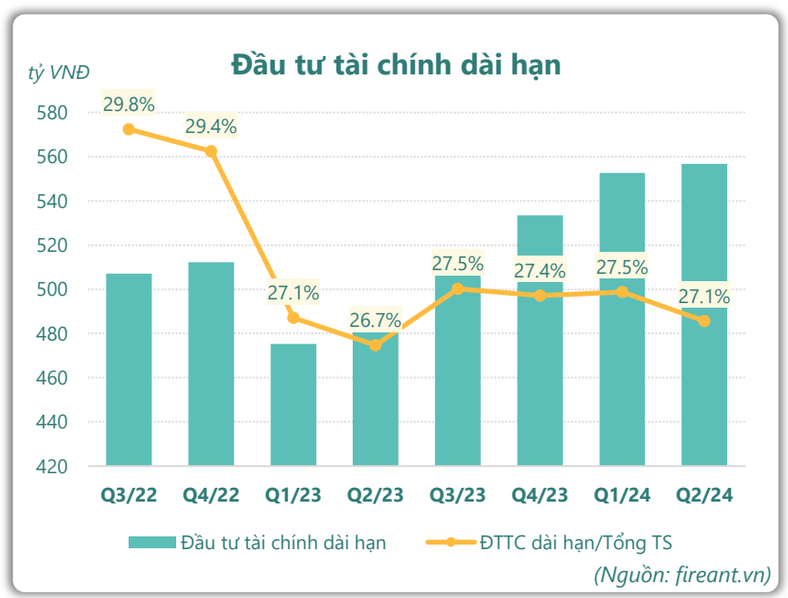
(Nguồn: fireant.vn)



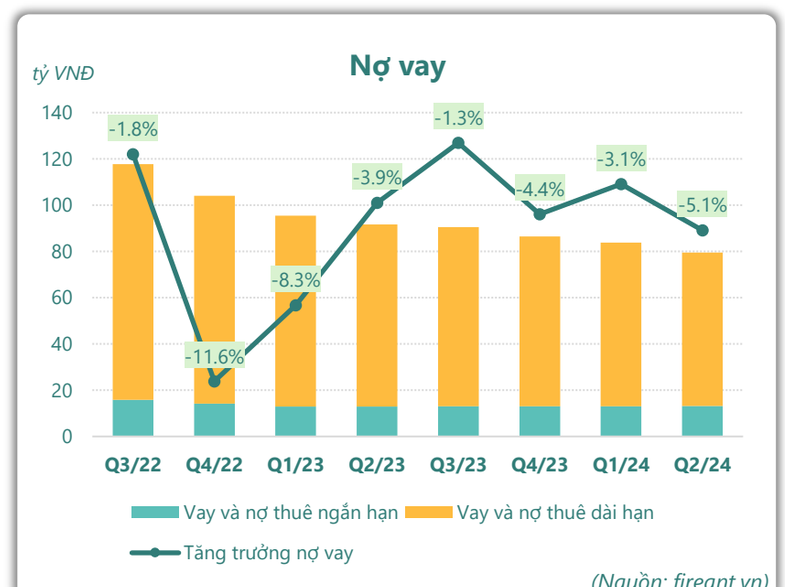
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



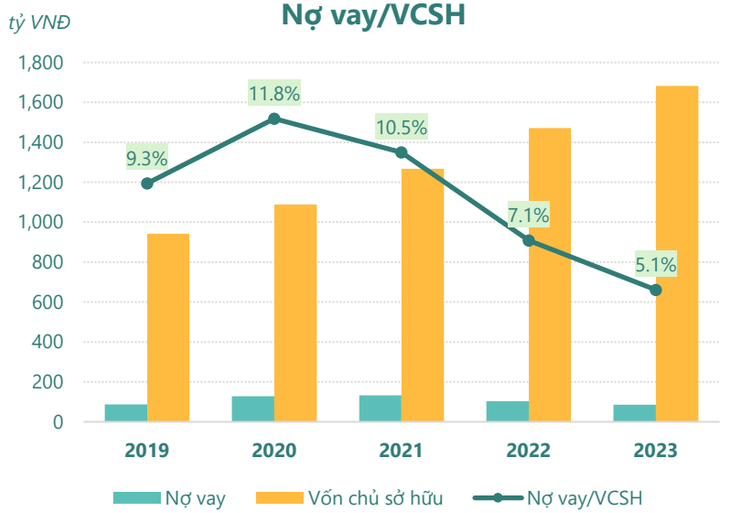
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

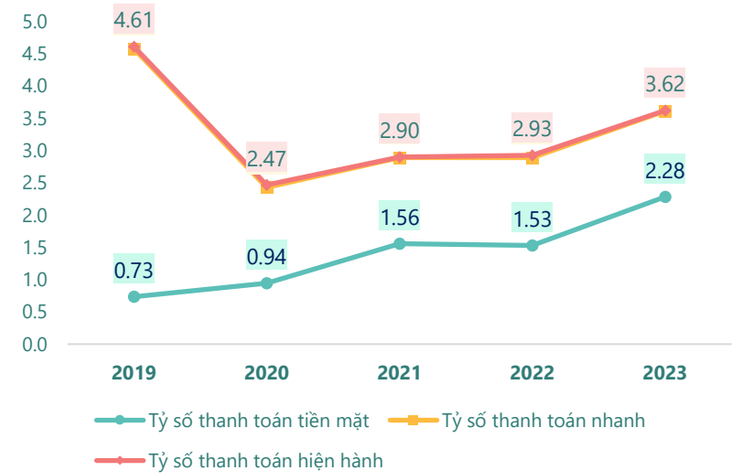
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



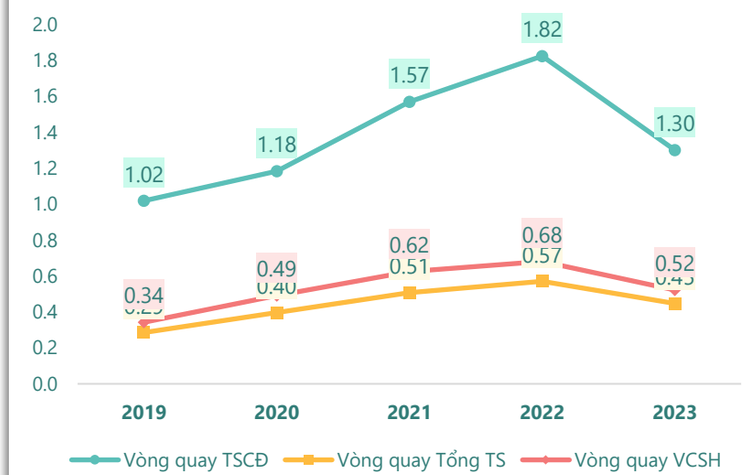
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



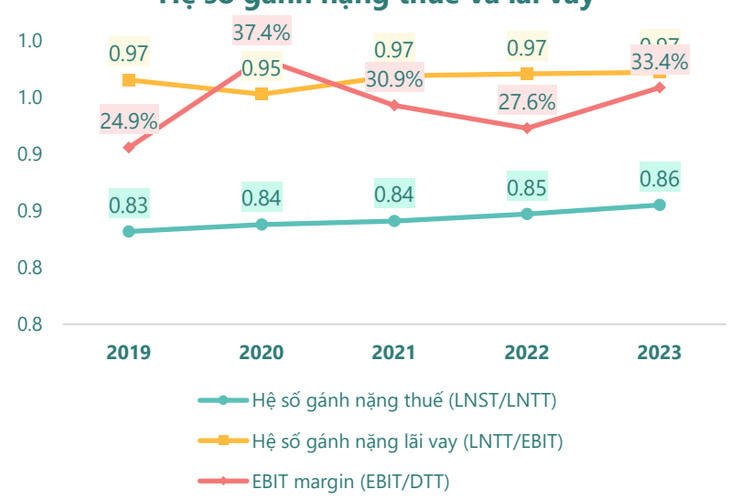
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



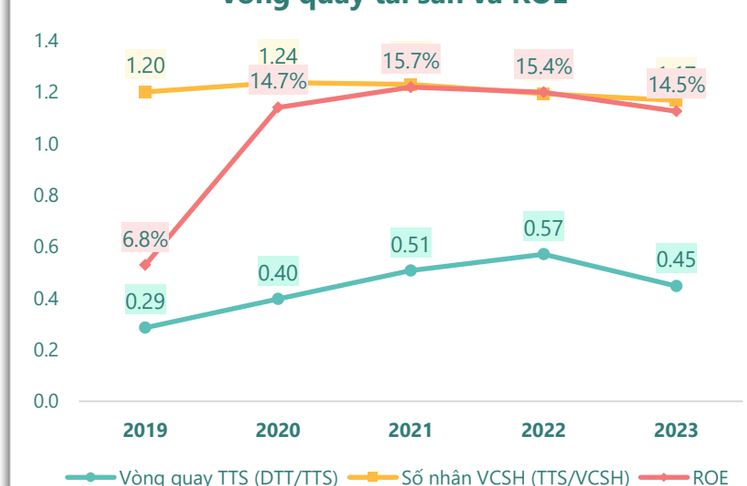
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



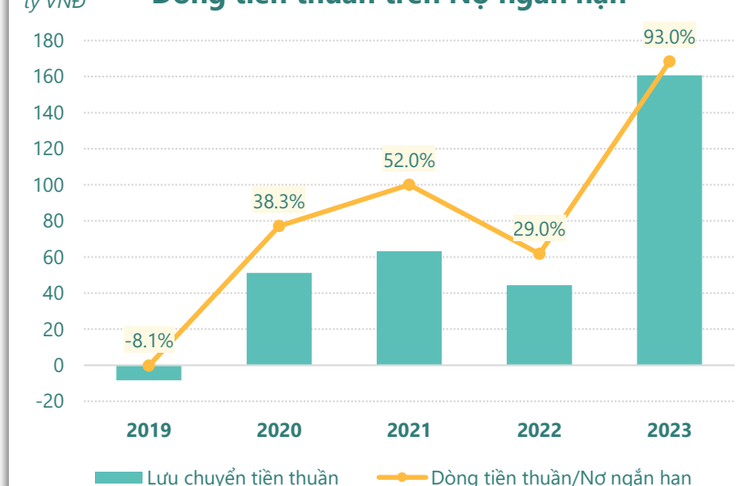
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**281**	**222**	**26.6%**	**509**	**384**	**32.5%**
Giá vốn hàng bán	228	177	28.5%	410	305	34.5%
Lợi nhuận gộp	53.5	44.6	19.9%	99.5	79.6	24.9%
Doanh thu HĐTC	21.3	15.3	39.3%	24.1	64.1	-62.3%
Chi phí TC	2.32	2.80	-17.2%	3.29	4.27	-23.0%
Chi phí lãi vay	2.26	3.89	-41.8%	3.23	4.03	-19.9%
LN trong công ty LKLD	**4.11**	**8.72**	**-52.8%**	**23.2**	**-25.2**	**192%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.41**	**4.36**	**1.3%**	**11.0**	**9.34**	**18.1%**
LN thuần từ HĐKD	72.2	61.5	17.3%	133	105	26.4%
Lợi nhuận khác	**0.52**	**0.01**	**5075%**	**2.26**	**0.09**	**2288%**
LN trước thuế	72.7	61.5	18.2%	135	105	28.4%
Lợi nhuận sau thuế	**62.4**	**53.3**	**17.1%**	**116**	**90.4**	**28.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**62.4**	**53.3**	**17.0%**	**116**	**90.3**	**28.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	64.4	12.2	57.8	60.7	25.5	50.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-45.3	27.6	-4.24	6.54	-18.9	-54.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.66	-3.76	-2.75	-3.88	-2.68	-3.94
Tiền đầu kỳ	234	244	280	331	394	398
Lưu chuyển tiền thuần	**10.5**	**36.1**	**50.8**	**63.4**	**3.88**	**-6.97**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.14	0.05	0.10	0	0.36
Tiền cuối kỳ	244	280	331	394	398	392

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,058**	**1,946**	**5.7%**
Tài sản ngắn hạn	740	626	18.3%
Tiền và tương đương tiền	392	394	-0.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	63.0	66.9	-5.8%
Phải thu ngắn hạn	276	161	71.9%
Hàng tồn kho	6.81	1.61	323%
Tài sản ngắn hạn khác	2.35	2.05	14.7%
Tài sản dài hạn	**1,318**	**1,321**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	7.07	7.07	0.1%
Tài sản cố định	749	703	6.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.95	72.8	-97.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	557	534	4.4%
Tài sản dài hạn khác	**3.21**	**4.14**	**-22.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	263	264	-0.3%
Nợ ngắn hạn	**181**	**173**	**4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.2	13.1	0.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	51.5	56.9	-9.5%
Nợ dài hạn	81.8	90.9	-10.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	66.4	73.4	-9.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,795**	**1,683**	**6.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,795**	**1,683**	**6.7%**
Vốn điều lệ	671	671	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)